

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/DS - ST

Ngày: 20 - 10 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
dân sự góp họ (hụi)”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Thanh Phát

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Ông Hà Bửu Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST - DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2021/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn:* Bà Trần Thị Thúy L, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:*

Do chỗ quen biết và tin tưởng nhau nên bà có cho bà L tham gia góp họ (hụi) do bà làm chủ, cụ thể như sau:

Dây họ thứ 01: Ngày 25/8/2017 âm lịch, dây họ là 1.000.000 đồng, kỳ mở họ một tháng 01 lần (vào ngày 25 hàng tháng), có 18 thành viên, bà L tham gia 02 phần, quá trình tham gia đến kỳ mở họ lần thứ 02 bà L lĩnh họ 01 phần, kỳ mở họ lần thứ 06 bà L đã lĩnh họ phần còn lại. Dây họ đã chấm dứt và bà L còn nợ bà tiền họ chưa góp là 12.000.000 đồng, sau đó bà L có trực tiếp trả cho bà số tiền là 2.000.000 đồng vẫn còn nợ là 10.000.000 đồng.

Dây họ thứ 02: Ngày 20/4/2018 âm lịch, dây họ là 1.000.000 đồng, kỳ mở họ một tháng 01 lần (vào ngày 20 hàng tháng), có 26 thành viên, bà L tham gia 02 phần, quá trình tham gia đến kỳ mở họ lần thứ 02 bà L lĩnh họ 01 phần, kỳ mở họ lần thứ 06 bà L đã lĩnh họ phần còn lại. Dây họ đã chấm dứt và bà L còn nợ tiền họ 02 phần chưa góp là 20 lần bằng 40.000.000 đồng, sau này bà L có kêu bà đến gặp ông S (anh ruột bà L) để lấy tiền hai lần, mỗi lần là 2.000.000 đồng bằng 4.000.000 đồng vẫn còn nợ là 36.000.000 đồng.

Về hợp đồng góp họ do bà và bà L trực tiếp giao dịch với nhau.

Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho bà tiền họ chưa góp tổng cộng là 52.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà yêu cầu bà L phải trả cho bà tiền họ chưa góp tổng cộng là 46.000.000 đồng. Trong đó, tiền họ chưa góp đối với dây họ thứ 01 là 10.000.000 đồng, tiền họ chưa góp đối với dây họ thứ 02 là 36.000.000 đồng.

Đối với việc bà L trình bày dây họ thứ 02 do bà L tham gia dùm cho ông S và sau khi lĩnh họ giữa bà, bà L và ông S thỏa thuận: Ông S nhận trách nhiệm trả nợ dây họ thứ 02 cho bà và bà đồng ý là không có. Dây họ thứ 02 do bà L trực tiếp tham gia góp họ, lĩnh họ; sở dĩ bà đến gặp ông S nhận tiền họ 02 lần là do bà điện thoại liên hệ cho bà L yêu cầu góp họ và bà L nói gửi tiền về chỗ ông S kêu bà đến nhận, bà L là người trực tiếp tham gia với bà nên bà L phải có trách nhiệm thanh toán tiền họ cho bà.

*Bà Trần Thị Thúy L là bị đơn trình bày:*

Bà thừa nhận có tham gia góp họ (hụi) do bà H làm chủ họ, như sau:

Dây họ thứ 01: Ngày 25/8/2017 âm lịch, dây họ là 1.000.000 đồng, kỳ mở họ một tháng 01 lần (vào ngày 25 hàng tháng), có 18 thành viên, bà tham gia 02 phần. Sau khi lĩnh 02 phần họ bà còn nợ bà H tiền họ chưa góp là 12.000.000 đồng, sau đó

(tết Nguyên Đán năm 2019) bà trực tiếp trả cho bà H số tiền là 2.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 10.000.000 đồng.

Dây họ thứ 02: Ngày 20/4/2018 âm lịch, dây họ là 1.000.000 đồng, kỳ mở họ một tháng 01 lần (vào ngày 20 hàng tháng), có 26 thành viên, bà tham gia 02 phần. Sau khi lĩnh 02 phần họ thì còn nợ bà H tiền họ chưa góp là 40.000.000 đồng. Mặc dù dây họ này do bà trực tiếp tham gia góp họ với bà H nhưng bà chỉ đứng tên tham gia dùm thay cho anh ruột của bà là ông Trần Văn S, việc bà tham gia dùm cho ông S thì bà H biết và đồng ý, sau khi lĩnh họ bà đã giao tiền cho ông S. Sau đó bà, bà H và ông S gặp nhau thỏa thuận bằng lời nói: Ông S nhận trách nhiệm thanh toán số tiền dây họ này cho bà H và bà H đồng ý, theo bà biết ông S có trả cho bà H 02 lần bằng 4.000.000 đồng, còn nợ lại là 36.000.000 đồng.

Về giao dịch dân sự góp họ do bà và bà H trực tiếp giao dịch với nhau.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà có ý kiến như sau:

Đối với dây họ thứ 01: Bà thừa nhận và đồng ý trả cho bà H tiền họ còn nợ là 10.000.000 đồng nhưng đề nghị trả dần, mỗi tháng trả là 1.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ.

Đối với dây họ thứ 02: Bà không đồng ý trả tiền dây họ này cho bà H, bởi vì: Bà chỉ tham gia dùm cho ông S, ông S đã nhận trách nhiệm trả cho bà H và bà H đã đồng ý nên ông S phải có trách nhiệm trả cho bà H tiền họ là 36.000.000 đồng.

*Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và của các đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa bà H và bà L thống nhất xác định hai bên có tham gia giao dịch dân sự góp họ (hụi) với nhau nên có căn cứ xác định hai bên có xác lập hợp đồng dân sự góp họ với nhau là sự thật.

Đối với dây họ thứ 01 ngày 25/8/2017 âm lịch, bà L thừa nhận còn nợ bà H tiền họ chưa góp là 10.000.000 đồng và đề nghị được trả dần nhưng không được bà H đồng ý. Do đó, đề nghị của bà L không có cơ sở để xem xét.

Đối với dây họ thứ 02 ngày 20/4/2018 âm lịch, hai bên thống nhất xác định tiền họ chưa góp cho bà H là 36.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà khai: Bà tham gia dùm cho ông S; thỏa thuận ông S nhận trách nhiệm trả nợ cho bà H và bà

Đối với đây họ thứ 01: Hai bên thống nhất bà L còn nợ bà H tiền họ chưa góp là 10.000.000 đồng, bà L đề nghị được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả là 1.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà H đồng ý nên không có cơ sở xem

xét. Bà L đã lĩnh hộ nhưng không góp hộ cho chủ hộ theo thỏa thuận đã vi phạm về hợp đồng góp hộ và vi phạm trách nhiệm của thành viên do không góp hộ.

Đối với dây họ thứ 02: Bà H và bà L thống nhất xác định dây họ này do bà L trực tiếp tham gia, góp họ và lĩnh họ. Nhưng bà L cho rằng dây họ này bà tham gia dùm cho anh ruột là ông Trần Văn S, sau khi lĩnh họ bà đã giao tiền cho ông S và giữa bà, bà H và ông S thỏa thuận: Ông S nhận trách nhiệm thanh toán tiền họ dây họ thứ 02 cho bà H đã được bà H đồng ý nhưng bà H không thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho lời trình bày của bà là có căn cứ; tại phiên tòa bà L xác định không biết ông S ở đâu và bà cũng không thể liên lạc được với ông S. Do đó, lời trình bày của bà L là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Bà L là người trực tiếp tham gia góp họ với bà H nên bà phải có trách nhiệm thanh toán tiền họ chưa góp cho bà H.

Trường hợp, bà L có đầy đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh đây họ thứ 02 do bà tham gia dùm cho ông S thì bà có quyền làm đơn khởi kiện ông S trong một vụ việc khác.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên phường. Hội đồng xét xử: Buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà H tiền hộ (hội) chưa góp tổng cộng là 46.000.000 đồng. Trong đó, tiền hộ chưa góp đối với dây hộ thứ 01 là 10.000.000 đồng, tiền hộ chưa góp đối với dây hộ thứ 02 là 36.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Trần Thị Thủy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tương ứng với yêu cầu của bà H được chấp nhận là 46.000.000 đồng x 5% = 2.300.000 đồng.

[4]. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các  $L$  trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11, Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biểu phùng;

Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu phùng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hội) đối với bà Trần Thị Thúy L.

Buộc bà Trần Thị Thúy L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H tiền họ tổng cộng là 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002102 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

Bà Trần Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị Thúy L có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/10/2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- Thi hành án huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Thanh Phát**